

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 16-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trung.

2. Ông Ngô Bá Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Đào Văn K, sinh năm: 1990, nơi sinh: tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp TK, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn Đ, sinh năm: 1968 và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1961; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 03/01/2024 sau đó chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Bến Tre cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm: 1981.

Nơi cư trú: Ấp LN, xã ML, huyện B, tỉnh Tiền Giang (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1961.

Nơi cư trú: Ấp TK, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965.

Nơi cư trú: Ấp PL, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết trước qua mạng xã hội Zalo và Facebook, đến ngày 11/12/2022 Đào Văn K và chị Nguyễn Thị Ánh N hẹn gặp nhau nên K đi xe khách từ Thành phố Hồ Chí Minh về và gặp chị N tại quán cà phê An thuộc thị trấn Mỏ Cày, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi gặp nhau, K điều khiển xe mô tô biển số 63B1-797.61, nhãn hiệu HONDA AIRBLADE của chị N và nói chở chị N về nhà K chơi nên điều khiển xe về hướng huyện Thạnh Phú. Trên đường đi đến khu vực thuộc ấp Phú Lộc, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre, K chở chị N vào nhà nghỉ Phi Long và thuê phòng số 4 để cả hai nghỉ. Do cả hai đều không có tiền để trả tiền thuê phòng nghỉ nên K gọi điện cho mẹ ruột là bà Đoàn Thị H hỏi mượn 200.000 đồng và chạy về nhà lấy. Lúc này, K hỏi mượn xe của chị N để đi lấy tiền về trả tiền phòng thì được chị N đồng ý và giao xe cho K. Khi K điều khiển xe ra đến Quốc lộ 57, lúc này khoảng hơn 18 giờ cùng ngày thì bạn gái của K là chị Đoàn Thị T gọi điện thoại hỏi K ở đâu và kêu K đi về. Do không còn xe khách để về và không có tiền nên K nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của chị N làm phương tiện sử dụng và điều khiển xe chạy về phòng trọ của Trang tại phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến sáng ngày 12/12/2022, K mở cốp xe lấy giấy đăng ký xe và 02 hộp kem đánh răng hiệu AMWAY để sử dụng, K vứt bỏ 01 thẻ ATM, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Ánh N rồi nhờ một người bạn tên Chiến (không rõ nhân thân, nơi cư trú) ở gần nhà trọ tìm nơi bán dùm chiếc xe nêu trên. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, K bán được xe nêu trên cho hai người thanh niên (không rõ nhân thân, nơi cư trú) được số tiền 5.000.000 đồng. K cho Chiến tiền công giới thiệu bán xe số tiền 200.000 đồng, cho Trang số tiền 1.000.000 đồng, phần còn lại K sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M không thu hồi được tài sản.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án: Không có.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 18/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M kết luận: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA AIRBLADE KVG, màu sơn: xanh - đen, biển số: 63B1-797.61, số máy: JF18E5449508, số khung: RLHJF18058Y840124, dung tích xi-lanh: 108cm³, đã qua sử dụng có giá trị 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐGTS ngày 05/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M kết luận: 02 (hai) hộp kem đánh răng nhãn hiệu “AMWAY”, đã qua sử dụng hiện còn giá trị sử dụng nhưng không còn giá trị định giá.

Bị cáo và bị hại đồng ý với các kết luận định giá tài sản nêu trên và không có yêu cầu khác.

Tại Cáo trạng số: 18/CT-VKSMCN ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử đối với bị cáo Đào Văn K về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt

tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đào Văn K giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị H giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bà đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại; bị hại chị Nguyễn Thị Ánh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đồng thời yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 16.000.000 đồng (đã nhận được số tiền 6.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 10.000.000 đồng), về hình phạt áp dụng đối với bị cáo đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định; người làm chứng bà Nguyễn Thị Hương giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đào Văn K phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đào Văn K từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại số tiền 16.000.000 đồng, bị cáo tác động mẹ ruột là bà Đoàn Thị H thay bị cáo bồi thường cho bị hại. Bị hại đã nhận số tiền 6.000.000 đồng, số tiền còn lại là 10.000.000 đồng được bà Hương nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre theo biên lai thu tiền số: 0000536 ngày 15/3/2024 để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án.

Bà Đoàn Thị H không yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ trả lại số tiền 16.000.000 đồng mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại.

- Về xử lý vật chứng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Bị hại chị Nguyễn Thị Ánh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét thấy, bị hại đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của bị hại không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị hại là phù hợp theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Bị cáo Đào Văn K thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ để xác định:

Vào khoảng 18 giờ ngày 11/12/2022, tại ấp Phú Lộc, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre, Đào Văn K sau khi mượn được chiếc xe mô tô biển số 63B1-797.61 của chị Nguyễn Thị Ánh N để đi lấy tiền về trả tiền thuê phòng nghỉ nhưng nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã điều khiển xe về Thành phố Hồ Chí Minh và đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Giá trị tài sản Đào Văn K chiếm đoạt được xác định là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người trong độ tuổi lao động, có sức khỏe để lao động chân chính tạo nguồn thu nhập nhưng do lười lao động và cần có tiền để tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng sự quen biết, tin tưởng giao tài sản của bị hại để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nhưng vẫn cố tình thực hiện nên xem đây là lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đào Văn K phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng số 18/CT-VKSMCN ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với chị Đoàn Thị T được bị cáo cho số tiền 1.000.000 đồng nhưng chị T không có hứa hẹn trước và không biết tiền là do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với người thanh niên tên Chiến đã giới thiệu để bị cáo bán chiếc xe chiếm đoạt được và hai người thanh niên mua xe do không xác định được nhân thân, nơi cư trú nên không đủ cơ sở xem xét xử lý trong vụ án này.

[4] Xét tính chất của vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; hiện nay, ở địa phương loại tội phạm này xảy ra ngày càng gia tăng và phức tạp. Vì vậy, cần xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tạo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[5] Trong lượng hình Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cụ thể:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng đối với bị cáo.

[5.4] Về nhân thân: Trong thời gian cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục để xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo thì bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên bị cáo không được xem là người có nhân thân tốt. Bên cạnh đó, trong giai đoạn điều tra bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng không chấp hành tốt các nghĩa vụ theo quy định. Từ đó cho thấy, thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Đồng thời, căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Hội đồng xét xử quyết định cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Qua xem xét về nhân thân, điều kiện và hoàn cảnh sống của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại số tiền 16.000.000 đồng, bị cáo đã tác động mẹ ruột là bà Đoàn Thị H thay bị cáo bồi thường cho bị hại.

Hiện tại, bị hại đã nhận được số tiền 6.000.000 đồng, số tiền còn lại được bà Hoàng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre theo biên lai thu tiền số: 0000536 ngày 15/3/2024 để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo.

Đối với các tài sản gồm: 01 (một) giấy đăng ký xe, 01 (một) thẻ ATM, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân và 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Ánh N bị mất không thu hồi được và 02 (hai) hộp kem đánh răng hiệu “AMWAY” bị cáo đã sử dụng thì bị hại không yêu cầu bồi thường.

Bà Đoàn Thị H không yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ trả lại số tiền 16.000.000 đồng mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại.

Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự và phù hợp với Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự nên ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Không có nên không xem xét.

[9] Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Đào Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đào Văn K phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đào Văn K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2024.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Đào Văn K có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại chị Nguyễn Thị Ánh N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), số tiền đã được bà Đoàn Thị H nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre theo biên lai thu tiền số: 0000536 ngày 15 tháng 3 năm 2024 để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đào Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã MĐ;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân